TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:187/2018/LĐ-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v Tranh chấp về tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2018/TLST-LĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp về tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2018/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 472/2018/QĐXXST-LĐ ngày09 tháng11 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1990.

HKTT: ấp H, xã H, huyện C, Trà Vinh.

- *Đại diện do bà M ủy quyền*: Ông Nguyễn Thanh P, địa chỉ: ấp 5, xã X, huyện H, TP. HCM (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2018)

2. Bị đơn: Công ty TNHH D

Địa chỉ: đường P, ấp 7, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện theo pháp luật của Công ty*: Bà Nguyễn Thị L. Chức danh: Giám đốc. Địa chỉ: đường H, phường 13, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M có đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc M được Công ty TNHH D nhận vào làm việc tại Công ty từ ngày 01/10/2016, công việc là thợ phụ, mức lương 4.276.000 đồng/tháng. Hai bên có ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Từ khi vào làm đến cuối tháng 7/2018 Công ty thanh toán tiền lương đầy đủ cho bà M theo thỏa thuận. Từ tháng 8/2018 Công ty gặp khó khăn nên không thanh toán tiền lương cho nhân viên nhưng vẫn yêu cầu nhân viên công ty tiếp tục làm việc. Bà M vẫn làm việc bình thường tại Công ty nhưng chưa được Công ty thanh toán tiền lương tháng 8/2018. Đến tháng 9/2018 Công ty ngừng hoạt động và không thanh toán tiền lương còn nợ cho nhân viên theo cam kết đã hứa. Do vậy,bà M và toàn bộ công nhân của Công ty đã nộp đơn yêu cầu Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện H giải quyết. Tại buổi hòa giải phía Công ty vắng mặt nên việc hòa giải không thể tiến hành được.

Với tư cách là người được bà Nguyễn Thị Ngọc M ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Thanh P đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty TNHH Dthanh toán tiền lương những ngày bà Nguyễn Thị Ngọc M đã làm việc tại Công ty từ tháng 8/2018 đến ngày 04/9/2018 với số tiền yêu cầu là 5.787.000đồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng đại diện hợp pháp của Công ty TNHH D vắng mặt không lý do, vì vậyTòa án nhân dân huyện H quyết định đưa vụán ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M và Công ty TNHH D là tranh chấp lao động cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 200 Bộ luật lao động 2012 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có trụ sở tại xã X, huyện H nên Tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân huyện H, TP.HCM theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp trong trường hợp này là tranh chấp về tiền lương. Trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết, hòa giải viên lao động tiến hành thủ tục hòa giải nhưng hòa giải không thành do một bên vắng mặt. Do đó, nguyên đơn

khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Lao động 2012 và khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Ông Nguyễn Thanh P (là đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Công ty TNHH D (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn có ông Nguyễn Thanh P đại diện yêu cầu Công ty TNHH D thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc M tiền lương những ngày bà Mđã làm việc tại Công ty (từ tháng 8/2018 đến ngày 04/9/2018) với số tiền yêu cầu là 5.787.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Ngọc M được Công ty Dnhận vào làm việc (có ký Hợp đồng lao động), tại thời điểm Công ty đóng cửa ngưng hoạt động vào ngày 04/9/2018, bà M và các công nhân của Công ty đều chưa được Công ty thanh toán tiền lương tháng 8/2018. Qua xác nhận của người phụ trách nhân sự của Công ty tại Bảng lương thể hiện số tiền lương Công ty còn nợ của bà M là có thật. Do đó, có đủ cơ sở để xác định Công ty TNHH D còn nợ tiền lương chưa thanh toán cho bà M từ tháng 8/2018 đến ngày 04/9/2018 là5.787.000đồng. Vì vậy, cần buộc Công ty TNHH D phải có trách nhiệm thanh toán cho bà M số tiền lương là 5.787.000 đồng.

Đối với phía bị đơn là Công ty TNHH D mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại

khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì Công ty TNHH D đã từ bỏ quyền chứng M của mình và phải chấp nhận số tiền lương chưa thanh toán theo những chứng cứ do phía nguyên đơn đưa ra.

[6] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 90, Điều 96, Điều 200 và Điều 201Bộ luật Lao động 2012;

Căn cứ các Điều 21, Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M (có đại diện là ông Nguyễn Thanh P):

- Buộc Công ty TNHH D thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc M tiền lương (từ tháng 8/2018 đến ngày 04/9/2018) với số tiền là 5.787.000 đồng, thi hành 01 lần tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Công ty TNHH D chậm trả từ 15 ngày trở lên thì phải trả thêm cho bà M một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì lãi suất được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

2/. Về án phí lao động sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M được miễn nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH D phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sựvắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKDND H.H;
- Chi cục THADS H.H;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Phụng